TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 783/2019/DS-ST
Ngày: 23/8/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1611/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 113/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP TT

Trụ sở: Đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 352/2019/UQ-TTT ngày 01/01/2019).

Địa chỉ : Lầu 8, đường M, Phường N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1966

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường U, Phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đường A, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân Hàng TMCP TT có ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 19/8/2014 ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng TMCP TT (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông T hạn mức tín dụng là 80,000,000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.5%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng JCB Car Card Gold, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 79,500,000 đồng. Hàng tháng vào ngày 05 tây Ngân hàng sẽ gửi thông báo giao dịch cho ông T qua địa chỉ mà ông T cung cấp (email, sms qua số điện thoại), theo Điều 7 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Hạn thanh toán là ngày 30 hàng tháng, ông T sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho ông T. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 06/09/2016 ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 66,458,600 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (trừ phí lãi trước, giao dịch sau). Cụ thể sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn 5,892,236 đồng, trừ vào phí thường niên 399,000 đồng, trừ vào phí vượt hạn mức là 50,000 đồng, lãi trong hạn 33,481,633 đồng, sau đó số tiền thanh toán còn lại 26,635,731 đồng sẽ được trừ vào phần tiền mà ông T sử dụng. Sau khi trừ hết các khoản trên thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của ông T còn lại là 52,864,269 đồng (gọi là nợ gốc).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/09/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 52,864,269 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất

được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Sau khi chuyển nợ quá hạn, ông T có thanh toán cho ngân hàng thêm được 15,200,00 đồng vào ngày 13/10/2018, số tiền này sẽ được ngân hàng ưu tiên trừ vào phần nợ gốc trước. Tính đến ngày 11/04/2019 ông T còn nợ tổng số tiền gồm: Nợ gốc 37,664,269 đồng và tiền lãi quá hạn 59,204,840 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 52,864,269 đồng với lãi suất quá hạn là 3.75%/ tháng (2.5%/tháng x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 06/09/2016 cho đến ngày 12/10/2018 số tiền là 50.683.360 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc 37,664,269 đồng còn lại từ ngày 13/10/2018 cho đến ngày 11/4/2019 là 8.521.480 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ ngày 12/4/2019 ông T phải tiếp tục trả lãi quá hạn trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông T trả khoản nợ này, vì đây là khoản vay tín chấp và Ngân hàng chỉ cấp thẻ tín dụng cho ông T nên không yêu cầu Tòa án phải đưa vợ ông T bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông T không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T ngày 19/8/2019, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân Hàng TMCP TT tổng số tiền 103.177.829 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356481-3940 gồm: Nợ gốc 37.664.269 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 12/10/2018 của số nợ gốc 52.864.269 đồng với mức lãi suất 3,75%/tháng số tiền là 50.683.360 đồng và từ ngày 13/10/2018 đến ngày 23/8/2019 của số nợ gốc 37.664.269 đồng với mức lãi suất 3,75%/tháng 14.830.200 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP TT khởi kiện ông Nguyễn Văn T trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2014 được qui định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: " *Ông Nguyễn Văn T đăng ký thường trú tại Đường U, Phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang tạm trú tại Đường A, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh*";

[1.3] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo kết quả xác minh của Công an Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T cư trú địa chỉ tại đường A, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Bị đơn ông T được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.6] Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân Hàng TMCP TT tổng số tiền 103.177.829 đồng do sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356481-3940 gồm: Nợ gốc 37.664.269 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 12/10/2018 của số nợ gốc 52.864.269 đồng với mức lãi suất 3,75%/tháng số tiền là 50.683.360 đồng và từ ngày 13/10/2018 đến ngày 23/8/2019 của số nợ gốc 37.664.269 đồng với mức lãi suất 3,75%/tháng 14.830.200 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.3.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2014 của ông T đối với Ngân hàng TMCP TTvà theo thông báo giao dịch thẻ ngày 05/9/2014 thì ông T được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 80.000.000 đồng với số tài khoản thẻ 3756282871, số thẻ 356481-3940

[2.3.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*."; và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*" và tại khoản 3 Điều 6 và khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định như sau: "*Tổ chức phát hành thẻ, Tổ chức thanh toán thẻ phải công bố các loại phí và mức phí cho bên phải trả phí trước khi bên phải trả phí sử dụng dịch vụ",* và qui định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau*: "Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ."*;

[2.3.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP TTqui định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: " *Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ…*", tại Điều 18 qui định về phương thức thanh toán như sau: " *Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo …*", tại Điều 19 về số tiền thanh toán như sau: " *Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ…",* tại Điều 20 qui định về áp dụng thanh toán như sau: " *Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ*.", và tại Điều 23 qui đinh về vi phạm như sau: " *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán…",* thì đối chiếu theo các bảng tóm tắt sao kê, bản chi tiết giao dịch và thông báo giao dịch thẻ của ông Nguyễn Văn T có số chứng minh nhân dân 025760464, số thẻ 356481-3940 là tài liệu chứng cứ

do Ngân hàng cung cấp thì thể hiện ông T bắt đầu kích hoạt thẻ từ ngày 20/8/2014 và sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch ngày 21/8/2014 với số tiền 79.500.000 cho đến ngày 17/5/2016 thì ông T không sử dụng thẻ để thực hiện việc giao dịch nữa. Theo thông báo giao dịch thẻ ngày 05 hàng tháng thì ông T phải thanh toán trước ngày 20 hàng tháng khi nhận thông báo. Thời gian ông T sử dụng thực hiện các giao dịch qua tài khoản thẻ tín dụng từ ngày 20/8/2014 cho đến ngày 05/9/2016 ông T giao dịch tổng số tiền là 119,322,869 đồng và ông T thanh toán tổng số tiền 66.458.600 đồng thì theo bảng tóm tắt sao kê và sao kê chi tiết giao dịch của ông T thì được Ngân hàng thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn 5,892,236 đồng, phí thường niên 399,000 đồng, phí vượt hạn mức là 50,000 đồng, lãi trong hạn 33,481,633 đồng, sau đó số tiền thanh toán còn lại 26,635,731 đồng sẽ được trừ vào phần tiền mà ông T sử dụng. Sau khi trừ hết các khoản trên thì số tiền giao dịch chưa thanh toán của ông T còn nợ gốc là 52,864,269 đồng, đến ngày 05/11/2018 ông T thanh toán tiếp cho Ngân hàng số tiền 15.200.000 đồng và Ngân hàng trừ vào số nợ gốc nên ông T còn nợ số tiền 37.664.269 đồng và ngưng thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông T phải trả số nợ gốc 37.664.269 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với qui định của pháp luật và những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 qui định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*.";

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: "*1.Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.";

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng qui định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: "*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau:*

a) ...

b) Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút. Việc thanh toán đối với các khoản dư nợ trên tài khoản được thực hiện theo thứ tự được quy định tại khoản mục 20. Đơn vị Phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ." và tại Điều 23 về vi phạm như sau: *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ…*

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với Điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...", thì đối chiếu bảng tóm tắt sao kê và sao kê chi tiết giao dịch của ông T, thể hiện ngày 15/7/2016 ông T có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.600.000 đồng và ngưng thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ từ ngày 06/9/2016 và Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn đối với số nợ gốc 52.864.269 đồng. Ngày 05/11/2018 ông T trả số tiền 15.200.000 đồng cho Ngân hàng và Ngân hàng đã trừ vào nợ gốc nên ông T còn nợ gốc số tiền 37.664.269 đồng số nợ này được chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp với qui định pháp luật với những căn cứ đã viễn dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận;

[2.2.4] Căn cứ Thông báo số 70/TB-TTT ngày 31/12/2013 của Trung tâm thẻ Ngân hàng Sài gòn Thương tín về việc gia tăng tiện ích cho sản phẩm thẻ S JCB với mức lãi suất giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt là 2.5%/tháng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông T trả tổng số tiền lãi quá hạn là 65.513.560 đồng với mức lãi suất 3,75%/tháng gồm: Số tiền 50.683.360 đồng tính từ ngày 06/9/2016 đến ngày 12/10/2018 của số nợ gốc 52.864.269 đồng và số tiền là 14.830.200 đồng tính từ ngày 13/10/2018 đến ngày 23/8/2019 của số nợ gốc 37.664.269 đồng là phù hợp với qui định pháp luật với những căn cứ đã viễn dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Do Ngân hàng không yêu cầu vợ ông T bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2014 nên không xét.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP TT được chấp nhận số tiền là 5.158.891 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 22 của Qui chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp qui định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP TT.

Buộc ông Nguyễn Văn T trả cho Ngân Hàng TMCP TT tổng số tiền là 103.177.829 đồng gồm: Nợ gốc 37.664.269 đồng, lãi 65.513.560 đồng của thẻ tín dụng JCB Car Card Gold số thẻ 356481-3940 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19/8/2014. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi, phí phát sinh số dư nợ gốc số tiền 37.664.269 đồng của thẻ tín dụng JCB Car Card Gold số thẻ 356481-3940 cho Ngân Hàng TMCP TT theo mức lãi suất được qui định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/9/2014 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.158.891 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân Hàng TMCP TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.151.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008802 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP TT và bị đơn ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nơi nhận :
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA Dân sự Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Nhàn